

Số: /QĐ-CTK

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục dữ liệu mở của Cục Thống kê

CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22/6/2023;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 – 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2826/QĐ-BTC ngày 15/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục dữ liệu mở của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Chính sách, Chiến lược và Dữ liệu thống kê, Cục Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục dữ liệu mở của Cục Thống kê, Bộ Tài chính.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị thuộc Cục Thống kê có trách nhiệm:

- Rà soát, cập nhật Danh mục dữ liệu mở và thực hiện công bố mở cho dữ liệu mở do đơn vị quản lý, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan và phù hợp với Luật Giao dịch điện tử, Luật Dữ liệu, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Phối hợp với Ban Chính sách, Chiến lược và Dữ liệu thống kê rà soát, cập nhật danh mục dữ liệu mở định kỳ và triển khai kế hoạch cung cấp dữ liệu mở theo danh mục dữ liệu mở với các giai đoạn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị.

- Khi cần cập nhật (sửa đổi, bổ sung, thay thế) danh mục dữ liệu mở, đơn vị kịp thời gửi nội dung thay đổi về Ban Chính sách, Chiến lược và Dữ liệu thống kê để tổng hợp, rà soát, trình Cục trưởng ban hành văn bản cập nhật Danh mục dữ liệu mở của Cục Thống kê.

2. Không tiết lộ thông tin cá nhân trong dữ liệu mở; thực hiện đánh giá và hạn chế rủi ro tiết lộ thông tin cá nhân khi kết hợp dữ liệu mở với các nguồn dữ liệu khác.

3. Dữ liệu mở được cung cấp phải đảm bảo định dạng mở, có khả năng gửi, nhận, lưu trữ, xử lý bằng thiết bị số và đảm bảo phù hợp với Luật Giao dịch điện tử, Luật Dữ liệu, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng trong quá trình cung cấp, chia sẻ và sử dụng dữ liệu mở.

Điều 3. Hình thức cung cấp dữ liệu mở

1. Dữ liệu mở được cung cấp dưới hình thức các tập dữ liệu mở.

2. Dữ liệu mở của Cục Thống kê phải được cung cấp công khai trên ít nhất một trong các kênh sau: Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính; Trang thông tin điện tử của Cục Thống kê; Cổng dữ liệu quốc gia; Các hệ thống phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng Cục, Trưởng ban Ban Chính sách, Chiến lược và Dữ liệu thống kê, Trưởng ban Ban Thống kê Tổng hợp và Đối ngoại, Giám đốc Trung tâm Xử lý và Tích hợp dữ liệu thống kê và Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lãnh đạo CTK;
- Các đơn vị thuộc CTK;
- Trường CĐTK, trường CĐTK II;
- Lưu: VT, CSCL (2b).

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hương

Phụ lục
DANH MỤC DỮ LIỆU MỞ CỦA CỤC THỐNG KÊ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CTK ngày /8/2025 của Cục trưởng Cục Thống kê)

TT	Tên dữ liệu	Nội dung dữ liệu	Kênh cung cấp	Cơ sở pháp lý thực hiện công bố thông tin
I. Niên giám Thống kê				
1	Niên giám Thống kê	Cục Thống kê (CTK) xuất bản hằng năm, bao gồm những số liệu cơ bản phản ánh khái quát động thái và thực trạng kinh tế - xã hội của cả nước, các vùng kinh tế - xã hội và địa phương. Ngoài ra, nội dung Niên giám Thống kê còn bao gồm số liệu thống kê chủ yếu của các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới nhằm cung cấp thêm tư liệu tham khảo, phục vụ nhu cầu nghiên cứu và so sánh quốc tế của người dùng tin	Trang thông tin điện tử của Cục Thống kê (CTK); Ấn phẩm điện tử; Bản cứng (quyển/sách niên giám thống kê)	
II. Báo cáo kinh tế - xã hội				
1	Báo cáo kinh tế - xã hội cả nước	Tình hình kinh tế - xã hội: tháng, quý, 6 tháng và năm	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 2826/QĐ-BTC
2	Báo cáo kinh tế - xã hội địa phương	Tình hình kinh tế - xã hội hằng tháng của địa phương	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 2826/QĐ-BTC
3	Chỉ tiêu kinh tế - xã hội	Tình hình chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo quý, năm	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 2826/QĐ-BTC
4	Chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	Chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 2826/QĐ-BTC

III. Nhóm chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ				
1. Chỉ số giá				
1.1	Chỉ số giá tiêu dùng tháng (<i>so với tháng trước; so với tháng 12 năm trước; so với cùng kỳ năm trước</i>)	Chỉ số giá tiêu dùng tháng (<i>so với tháng trước; so với tháng 12 năm trước; so với cùng kỳ năm trước</i>) Phạm vi: cả nước; Thời gian: tháng; Phân tổ: 11 nhóm hàng chính	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 1012/QĐ-TTg
1.2	Chỉ số giá tiêu dùng bình quân so với cùng kỳ năm trước	Chỉ số giá tiêu dùng bình quân so với cùng kỳ năm trước Phạm vi: cả nước; Thời gian: tháng; Phân tổ: 11 nhóm hàng chính	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 1012/QĐ-TTg
1.3	Chỉ số giá vàng (<i>so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước; bình quân so với cùng kỳ năm trước</i>)	Chỉ số giá vàng (<i>so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước; bình quân so với cùng kỳ năm trước</i>) Phạm vi: cả nước; Thời gian: tháng	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 1012/QĐ-TTg
1.4	Chỉ số giá đô la Mỹ (<i>so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước; bình quân so với cùng kỳ năm trước</i>)	Chỉ số giá đô la Mỹ (<i>so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước; bình quân so với cùng kỳ năm trước</i>) Phạm vi: cả nước; Thời gian: tháng	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 1012/QĐ-TTg
1.5	Lạm phát cơ bản (<i>so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước; bình quân so với cùng kỳ năm trước</i>)	Lạm phát cơ bản (<i>so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước; bình quân so với cùng kỳ năm trước</i>) Phạm vi: cả nước; Thời gian: tháng	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 1012/QĐ-TTg

2. Công nghiệp				
2.1	Chỉ số sản xuất công nghiệp	Chỉ số sản xuất công nghiệp Phạm vi: cả nước/tỉnh, thành phố; Thời gian: tháng; Phân tổ: phân ngành cấp 2 VSIC, tỉnh, thành phố	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 1012/QĐ-TTg
2.2	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu Phạm vi: cả nước; Thời gian: tháng; Phân tổ: sản phẩm	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 1012/QĐ-TTg
3. Nông nghiệp				
3.1	Sản lượng lúa	Sản lượng lúa Phạm vi: cả nước; Thời gian: quý; Phân tổ: cả nước/tỉnh, thành phố	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 1012/QĐ-TTg
4. Các ngành dịch vụ				
4.1	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (<i>bán lẻ hàng hoá, dịch vụ lưu trú ăn uống, dịch vụ lưu trú ăn uống, dịch vụ lưu trú ăn uống, dịch vụ lưu trú ăn uống, dịch vụ lưu trú ăn uống</i>)	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (<i>bán lẻ hàng hoá, dịch vụ lưu trú ăn uống, dịch vụ lưu trú ăn uống, dịch vụ lưu trú ăn uống, dịch vụ lưu trú ăn uống, dịch vụ lưu trú ăn uống</i>) Phạm vi: cả nước; Thời gian: tháng; Phân tổ: nhóm hàng chủ yếu	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 1012/QĐ-TTg
4.2	Vận tải hành khách (<i>vận chuyển, luân chuyển ...</i>)	Vận tải hành khách (<i>vận chuyển, luân chuyển ...</i>) Phạm vi: trong nước/ngoài nước; Thời gian: tháng; Phân tổ: phương thức vận tải	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 1012/QĐ-TTg

4.3	Vận tải hàng hoá (<i>vận chuyển, luân chuyển ...</i>)	Vận tải hàng hoá (<i>vận chuyển, luân chuyển ...</i>) Phạm vi: trong nước/ngoài nước; Thời gian: tháng; Phân tổ: phương thức vận tải	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 1012/QĐ-TTg
4.4	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải Phạm vi: cả nước/tỉnh, thành phố; Thời gian: tháng	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 1012/QĐ-TTg
IV. Nhóm chỉ số theo dõi nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội				
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) và tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương (GRDP)	Tốc độ tăng GDP và GRDP Phạm vi: cả nước/tỉnh, thành phố; Thời gian: quý/năm	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 1012/QĐ-TTg
2	GDP bình quân đầu người; GRDP bình quân đầu người	GDP bình quân đầu người; GRDP bình quân đầu người Phạm vi: cả nước/tỉnh, thành phố; Thời gian: năm	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 1012/QĐ-TTg
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP Phạm vi: cả nước; Thời gian: quý/năm	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 1012/QĐ-TTg
4	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Phạm vi: cả nước; Thời gian: tháng/năm	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 1012/QĐ-TTg
5	Tốc độ tăng năng suất lao động	Tốc độ tăng năng suất lao động Phạm vi: cả nước; Thời gian: năm	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 1012/QĐ-TTg

6	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội Phạm vi: cả nước; Thời gian: quý/năm	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 1012/QĐ-TTg
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo <i>(Trong đó: tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ)</i>	Tỷ lệ lao động qua đào tạo <i>(Trong đó: tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ)</i> Phạm vi: cả nước; Thời gian: quý/năm	Trang thông tin điện tử của Cục Thống kê	Quyết định số 1012/QĐ-TTg
8	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị Phạm vi: cả nước; Thời gian: quý/năm	Trang thông tin điện tử của Cục Thống kê	Quyết định số 1012/QĐ-TTg
9	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều Phạm vi: cả nước; Thời gian: năm; Phân tổ: cả nước/dân tộc thiểu số	Trang thông tin điện tử của Cục Thống kê	Quyết định số 1012/QĐ-TTg
10	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường Phạm vi: cả nước; Thời gian: năm	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 1012/QĐ-TTg
11	Các thông tin về dân sinh - kinh tế <i>(dân cư, nhà ở, đất, diện tích trồng trọt, số đầu con trong chăn nuôi, diện tích thủy sản, số hộ thiếu đói ...)</i>	Các thông tin về dân sinh - kinh tế <i>(dân cư, nhà ở, đất, diện tích trồng trọt, số đầu con trong chăn nuôi, diện tích thủy sản, số hộ thiếu đói ...)</i> Phạm vi: cả nước/tỉnh, thành phố; Thời gian: tháng/quý/năm; Phân tổ: cả nước	Trang thông tin điện tử của CTK	Quyết định số 1012/QĐ-TTg